TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2024
V/v "Tranh chấply hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1975
Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1974
Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị P1 xây dựng hôn nân vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải với nhau; giữa vợ chồng ông không thể nào hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị P1.

Vợ chồng ông có 02 con chung là Huỳnh Thanh N, sinh năm 1993, Huỳnh Chí N1, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông đã thống nhất thoả thuận tự phân chia tài sản chung không yêu cầu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị P1 là bị đơn trình bày: Bà và ông P xây dựng hôn nân vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuân do bất đồng ý kiến. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông Huỳnh Văn P yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Huỳnh Thanh N, sinh năm 1993, Huỳnh Chí N1, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà đã thống nhất tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 là vợ chồng; Con chung, tài sản chung, nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 có hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị P1; Bà P1 đồng ý ly hôn với ông P. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 xác định có 02 con chung là Huỳnh Thanh N, sinh năm 1993, Huỳnh Chí N1, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành khoẻ mạnh, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 thống nhất xác định không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị P1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Đối với em Huỳnh Thanh N, sinh năm 1993, Huỳnh Chí N1, sinh năm 2002 đã trưởng thành khoẻ mạnh nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ông phúc đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009848 ngày 27/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.